

Bản án số: **26/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 27/8/2020

Về việc: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đợi, ông Nguyễn Duy Chấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*\*/ Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Hồng S, sinh năm 1979; Trú tại: thôn 6, (nay là thôn ĐP), xã L, huyện M, tỉnh Đắc Nông. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

*\*/ Bị đơn:* Anh Lê Tấn M, sinh năm 1973; Tạm trú tại: thôn 7, (nay là thôn ĐL), xã L, huyện M, tỉnh Đắc Nông. (Vắng mặt).

(Việc đổi tên thôn theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Nông về việc sát nhập, đổi tên và thành lập mới thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắc Nông).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/5/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng S trình bày: Thì chị Huỳnh Thị Hồng S và anh Lê Tấn M lấy nhau vào ngày 21 tháng 8 năm 2002 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Đắc Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình. Do đó, anh, chị đã ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị Huỳnh Thị Hồng S thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Tấn M.

Về con chung: trong quá trình chung sống anh, chị có với nhau 03 người con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày 02/12/1999, Lê Hồng N, sinh ngày 10/12/2002, cháu Lê Trung H, sinh ngày 08/8/2011. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng 02 cháu Lê Hồng N, sinh ngày 10/12/2002 và cháu Lê Trung H, sinh ngày 08/8/2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Minh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Lê Minh T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: chị Huỳnh Thị Hồng S không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

- *Đối với bị đơn anh Lê Tấn M:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh Lê Tấn M nhưng anh Lê Tấn M vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Hiện tại anh Lê Tấn M có mặt tại địa phương nhưng cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án.

- *Kết quả thu thập chứng cứ:* Tại biên bản xác minh ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Huỳnh Thị Hồng S và anh Lê Văn Minh thì chính quyền địa phương không biết vì khi xảy ra mâu thuẫn thì anh, chị không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng S, chị Huỳnh Thị Hồng S được ly hôn với anh Lê Tấn M; Về con chung: Giao cháu Lê Hồng N, sinh ngày 10/12/2002 và cháu Lê Trung H, sinh ngày 08/8/2011 cho chị Huỳnh Thị Hồng S trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Không yêu cầu về cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: chị Huỳnh Thị Hồng S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

## **1. Về thủ tục tố tụng:**

Về quan hệ tranh chấp: Chị Huỳnh Thị Hồng S yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Tấn M, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Tấn M đang cư trú tại thôn ĐL, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Tấn M hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Lê Tấn M cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan (Vắng mặt không có lý do chính đáng) gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của anh Lê Tấn M đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Lê Tấn M phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê Tấn M là phù hợp.

Ngày 23/7/2020, chị Huỳnh Thị Hồng S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị Hồng S là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng S:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Hồng S và anh Lê Tấn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 21/6/2002. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay nên không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, chị Huỳnh Thị Hồng S thừa nhận chị không còn tình cảm với anh Lê Tấn M, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Anh, chị đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của anh, chị thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Hồng S và giải quyết cho chị Huỳnh Thị Hồng S được ly hôn với anh Lê Tấn M.

[2.2] Về con chung: Do anh Lê Tấn M không tới Tòa án làm việc nên cũng không biết được quan điểm của anh Lê Tấn M về việc nuôi con chung, bên cạnh

đó nguyện vọng của hai cháu Lê Hồng N, Lê Trung H là được sống cùng với mẹ. Thu nhập hàng tháng của chị Huỳnh Thị Hồng S giao động khoảng 10 triệu đồng cũng đủ để nuôi các cháu. Chính vì vậy cần giao cháu Lê Hồng N, sinh ngày 10/12/2002, cháu Lê Trung H, sinh ngày 08/8/2011 cho chị Huỳnh Thị Hồng S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Lê Tấn M được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Huỳnh Thị Hồng S không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Hồng S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Hồng S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Hồng S được ly hôn với anh Lê Tấn M (chấm dứt quan hệ hôn nhân)

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hồng N, sinh ngày 10/12/2002, cháu Lê Trung H, sinh ngày 08/8/2011 cho chị Huỳnh Thị Hồng S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Lê Tấn M được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Huỳnh Thị Hồng S không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ

cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Hồng S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002041 ngày 14/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã L, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

**Nguyễn Thế Hạnh**